

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **42/2024/DS-ST**

Ngày: 25-4-2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng,
hợp đồng thế chấp tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Sầm

2/ Bà Mai Thị Nhắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 302/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) Đ; Địa chỉ trụ sở chính: Tháp B, Số 194 đường T, Phường L, Quận H, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T1 - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trương Minh T2 - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Đồng Khởi. (Theo Quyết định số 963/QĐ-BIDV ngày 25/10/2021 “V/v Uỷ quyền tham gia tố tụng”).

Ông Trương Minh Tấn uỷ quyền cho bà Tô Thị Hồng H – Phó Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Đồng Khởi – Phòng Giao dịch Mỏ Cày tham gia tố tụng. (*Có mặt*)

- Bị đơn:

1/ Ông Lê Trung S, sinh năm 1977; (*Xin vắng mặt*)

2/ Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1980; (*Xin vắng mặt*)

Cùng cư trú: Ấp P, xã P1, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Lê Thành P, sinh năm 1974; (Có mặt)

2/ Bà Trần Tuyết V, sinh năm 1976; (Xin vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp P, xã P1, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà Tô Thị Hồng H trình bày:

Ông Lê Trung S và bà Nguyễn Thị Hồng H có vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đồng Khởi – Phòng Giao dịch Mỏ Cày: Hợp đồng tín dụng số 01/2016/7462946/HĐTD ký ngày 31/08/2016; Mục đích vay vốn: Sản xuất cây giống; Thời hạn vay: 12 tháng; Số tiền vay 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng.

Để đảm bảo khoản vay các bên đã ký kết Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/7462946/HĐBĐ ngày 31/8/2016, tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1061 và 1062, tờ bản đồ số 1, toạ lạc tại xã Phú Phụng, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BH672393, sổ vào sổ cấp GCN CH00382 do UBND huyện Chợ Lách cấp ngày 09/8/2012 cho ông Lê Trung S và bà Nguyễn Thị Hồng H.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông S và bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu. Khi hết thời hạn vay cho đến nay, ông S và bà H vẫn chưa trả tất số tiền nợ gốc và tiền lãi cho Ngân hàng.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

- Tuyên buộc ông Lê Trung S và bà Nguyễn Thị Hồng H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tính đến ngày xét xử là 406.071.269 đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 201.819.871 đồng, nợ lãi quá hạn là 54.251.398 đồng và tiếp tục có nghĩa vụ liên đới trả lãi phát sinh từ ngày 26/4/2024 cho đến khi trả tất nợ theo mức lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2016/7462946/HĐTD ngày 31/08/2016;

- Trường hợp ông Lê Trung S và bà Nguyễn Thị Hồng H không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản đã ký kết để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1061 và 1062, tờ bản đồ số 1, toạ lạc tại xã Phú Phụng, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn ông Lê Trung S và bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử như sau:

Ông bà thống nhất như đơn khởi kiện và lời trình bày của phía nguyên đơn về quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp bất động sản giữa các bên. Nay nguyên đơn khởi kiện thì ông bà đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn các khoản tiền như nguyên đơn yêu cầu. Tuy nhiên ông bà xin trả dần mỗi

năm là 30.000.000 đồng. Trường hợp ông bà không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì ông bà đồng ý cho nguyên đơn yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký kết để thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1061 và 1062, cùng tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã Phú Phụng, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, có tổng diện tích là 1.853,3 m², thửa đất hiện do ông Lê Thành P đang quản lý sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thành P và bà Trần Tuyết V trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử như sau:

Ông bà có biết và có đồng ý cho ông Lê Trung S và bà Nguyễn Thị Hồng H thế chấp thửa đất số 1061 và 1062, cùng tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã Phú Phụng, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre cho Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đồng Khởi – Phòng Giao dịch Mỏ Cày. Trên thửa đất hiện trồng cây, có căn nhà do vợ chồng ông bà đang quản lý sử dụng và hai ngôi mộ của thân tộc. Trường hợp ông S và bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì ông bà đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm cho rằng:

Các giai đoạn tố tụng của vụ án từ khi Tòa thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xem xét áp dụng Điều 274, 275, 280, 292, 295, 320, 321, 322, 323 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc ông Lê Trung S và bà Nguyễn Thị Hồng H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm tính đến ngày 25/4/2024 là: 406.071.269 đồng, trong đó nợ gốc là 150.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 201.819.871 đồng, nợ lãi quá hạn là 54.251.398 đồng. Ông Lê Trung S và bà Nguyễn Thị Hồng H còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày 25/4/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng số 01/2016/7462946/HĐTD ký ngày 31/8/2016 cho đến khi trả tất các khoản nợ.

- Trong trường hợp ông Lê Trung S và bà Nguyễn Thị Hồng H không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, lãi thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền đề nghị xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 1061, 1062, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã Phú Phụng, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre theo hợp đồng thế chấp số bất động sản số 01/2016/7462946/HĐBĐ, ký ngày 31/8/2016 để thu hồi.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, người đại diện theo ủy quyền của đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu ông Lê Trung S và bà Nguyễn Thị Hồng H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ vay gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, trường hợp ông S và bà H không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ. Căn cứ yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm bởi việc vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng của bị đơn ông Lê Trung S và bà Nguyễn Thị Hồng H nên nguyên đơn có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nơi thực hiện hợp đồng hợp đồng tín dụng là tại địa chỉ trụ sở của nguyên đơn (trụ sở Phòng Giao dịch Mỏ Cày), nguyên đơn lựa chọn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, do đó xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Bị đơn ông Lê Trung S, bà Nguyễn Thị Hồng H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Tuyết V có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông S, bà H và bà V.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, Hội đồng xét xử nhận định:

Hợp đồng tín dụng số 01/2016/7462946/HĐTD ngày 31/8/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đồng Khởi – Phòng Giao dịch Mỏ Cày và ông Lê Trung S, bà Nguyễn Thị Hồng H là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý, ràng buộc trách nhiệm giữa các bên. Ngân hàng xác định sau khi được giải ngân tiền vay cho đến hết thời hạn vay và đến hiện nay, bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng, mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu. Tính đến ngày xét xử là ngày 25/4/2024, số tiền nợ gốc còn lại là 150.000.000 đồng đã phát sinh các khoản tiền lãi gồm tiền lãi trong hạn là 201.819.871 đồng, tiền lãi quá hạn là 54.251.398 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông S và bà H đều thừa nhận các nội dung như phía nguyên đơn trình bày và cũng đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn các khoản tiền như nguyên đơn yêu cầu. Ông S và bà H là vợ chồng, cùng ký kết hợp đồng tín dụng và sử dụng tiền vay cho việc làm ăn, kinh tế chung của vợ chồng. Do đó, cần buộc ông S và bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử là 406.071.269 đồng. Ông S và bà H phải có nghĩa vụ liên đới tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày trả hết nợ theo

mức lãi suất do các bên thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2016/7462946/HĐTD ngày 31/8/2016 đã ký kết.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc trong trường hợp bị đơn không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, Hội đồng xét xử nhận định:

Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/7462946/HĐBĐ ngày 31/8/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đồng Khởi – Phòng Giao dịch Mỏ Cày và ông Lê Trung S, bà Nguyễn Thị Hồng H đối với Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1061 và 1062, tờ bản đồ số 1, toạ lạc tại xã Phú Phụng, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý, ràng buộc trách nhiệm giữa các bên.

Quá trình giải quyết vụ án, ông S và bà H cũng đồng ý trong trường hợp ông bà không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật để thanh toán nợ cho Ngân hàng. Hai thửa đất trên hiện do ông Lê Thành P và bà Trần Tuyết V đang quản lý sử dụng. Ông P và bà V có biết và đồng ý việc ông S, bà H thế chấp hai thửa đất trên cho nguyên đơn. Hiện nay, ông bà cũng đồng ý việc xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật nếu ông S và bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Từ các cơ sở trên cho thấy, yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét đề nghị trả dân của bị đơn thấy rằng: Tại phiên tòa, nếu các đương sự thoả thuận được phương án trả dân thì Hội đồng xét xử ghi nhận. Tuy nhiên, phía nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn trả dân. Mặt khác, cách thức trả nợ một lần hay nhiều lần thuộc giai đoạn thi hành án. Do đó, đề nghị này của bị đơn không có cơ sở xem xét.

[8] Xét về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn ông S và bà H có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

[9] Xét về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 200.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn có nghĩa vụ chịu chi phí này. Nguyên đơn đã tạm ứng nên buộc bị đơn có nghĩa vụ hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 200.000 đồng.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 274, 275, 280, 292, 299, 320, 322, 323, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào các điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các điều 147, 157, 158, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc bị đơn ông Lê Trung S và bà Nguyễn Thị Hồng H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tính đến ngày 25/4/2024 tổng cộng là 406.071.269 đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 201.819.871 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 54.251.398 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/4/2024) cho đến khi thi hành án xong, ông S và bà H còn có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 01/2016/7462946/HĐTD ngày 31/8/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đồng Khởi – Phòng Giao dịch Mỏ Cày và ông Lê Trung S, bà Nguyễn Thị Hồng H.

Trường hợp ông S và bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/7462946/HĐBĐ ngày 31/8/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đồng Khởi – Phòng Giao dịch Mỏ Cày và ông Lê Trung S, bà Nguyễn Thị Hồng H đối với Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1061, diện tích 250 m² và thửa đất số 1062, diện tích 1603,3 m², cùng tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã Phú Phụng, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH672393, Số vào sổ cấp GCN: CH003382 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Lách cấp ngày 09/8/2012 cho ông Lê Trung S và bà Nguyễn Thị Hồng H.

2. Về án phí: Ông Lê Trung S và bà Nguyễn Thị Hồng H có nghĩa vụ liên đới chịu là 20.243.000 (hai mươi triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.839.000 (chín triệu tám trăm ba mươi chín nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002108 ngày 08/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

3. Về chi phí tố tụng khác: Ông Lê Trung S và bà Nguyễn Thị Hồng H có nghĩa vụ liên đới chịu là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Buộc ông S và bà H có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng này.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự ^(5b) ;
- TAND tỉnh Bến Tre ^(1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre ^(1b);
- VKSND huyện Mô Cày Nam ^(1b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam ^(1b);
- Lưu HS, VP ^(3b) TC: 12b

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Đinh Thị Kim Ngân